



	chèo, tuồng									
	- Viết bài nghị luận về một văn bản thông tin									
	Tỉ lệ (%)		10%		15%		10%		5%	<b>40</b>
<b>Tổng</b>		<b>20</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>20</b>		<b>20</b>		<b>15</b>	<b>100</b>
<b>Tỷ lệ %</b>		<b>30%</b>		<b>35%</b>		<b>20%</b>		<b>15%</b>		
<b>Tỷ lệ chung</b>		<b>65%</b>				<b>35%</b>				

**\* Lưu ý:**

- Kỹ năng viết có 01 câu bao gồm cả 04 cấp độ.
- Những kỹ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên.

## BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Thần thoại	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.</li> <li>- Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.</li> <li>- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.</li> <li>- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được cốt truyện.</li> <li>- Hiểu và phân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.</li> <li>- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.</li> <li>- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,...</li> </ul>	4TN	3TN 1TL	1TL	1TL

			trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.			
		<b>Sử thi</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.</li> <li>- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.</li> <li>- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.</li> <li>- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được cốt truyện.</li> <li>- Hiểu và phân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.</li> <li>- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.</li> <li>- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.</li> </ul>			

		<b>Thơ Đường luật</b>	<p>- <b>Nhận biết:</b> Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ của bản/đoạn trích thơ Đường luật. Xác định được đề tài, chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc của văn bản/đoạn trích.</p> <p>- <b>Thông hiểu:</b></p> <p>+ Hiểu được đặc sắc về nội dung văn bản/đoạn trích: bức tranh thiên nhiên, đời sống; tâm sự của tác giả, ...</p> <p>+ Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...</p> <p>+ Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật trung đại Việt Nam trong văn bản/đoạn trích.</p> <p>- <b>Vận dụng:</b> suy nghĩ của bản thân về vấn đề trong văn bản.</p> <p>-<b>Vận dụng cao:</b> Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ bản thân</p>			
		<b>Kịch bản chèo và tuồng</b>	<p><b>Nhận biết</b></p> <p>- Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.</p> <p>- Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo.</p> <p>- Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện của tuồng, chèo.</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.</p> <p>- Lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong tuồng, chèo.</p> <p>- Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng, chèo gợi ra.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa hay tác động</p>			

			<p>của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.</li> </ul>			
		<b>Văn bản thông tin</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</li> <li>- Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.</li> <li>- Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.</li> <li>- Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản</li> <li>- Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.</li> <li>- Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.</li> </ul>			

2	Viết	<p><b>Nghị luận về văn bản thần thoại</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.</li> <li>- Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.</li> <li>- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.</li> <li>- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được cốt truyện.</li> <li>- Hiểu và phân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.</li> <li>- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.</li> <li>- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, ... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.</li> </ul>			1
		<p><b>Nghị luận về văn bản sử thi</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.</li> <li>- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất);</li> </ul>			

		<p>điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.</li> <li>- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt được cốt truyện.</li> <li>- Hiểu và phân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.</li> <li>- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.</li> <li>- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.</li> <li>- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.</li> <li>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.</li> </ul>					
		<p><b>Nghị luận về văn bản thơ Đường luật</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận</li> <li>- Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm.</li> <li>- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ.</li> </ul>				

			<p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những giá trị về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài: hoài bão, khát vọng, lí tưởng của con người thời trung đại; những suy ngẫm về số phận con người, cuộc đời và thế sự; ... về đẹp hàm súc cổ điển của thơ Đường luật.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về thơ Đường luật trung đại để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</li> <li>- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</li> <li>- Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài thơ đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.</li> </ul>			
		<p><b>Nghị luận về văn bản kịch bản chèo, tuồng</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận</li> <li>- Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm.</li> <li>- Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những giá trị về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm theo yêu cầu đề bài</li> <li>- Lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong tuồng, chèo.</li> <li>- Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p>			

			<p>- Vận dụng các kỹ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về kịch bản tuồng và chèo để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p> <p>- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.</p>			
		<p><b>Nghị luận về văn bản thông tin</b></p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</p> <p>- Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.</p> <p>- Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.</p> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>- Tóm tắt ý chính của văn bản và phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.</p> <p>- Phân tích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản.</p> <p>- Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.</p> <p>- Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>- Vận dụng các kỹ năng tạo lập văn</p>			

			<p>bản; kiến thức đã học về văn bản thông tin để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>- Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>				
		<p><b>Nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống</b></p>	<p>- <b>Nhận biết:</b>Biết viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề trong cuộc sống có đủ 3 phần</p> <p>- <b>Thông hiểu:</b> Nêu được những lí lẽ, dẫn chứng để vấn đề được thuyết phục.</p> <p><b>Vận dụng :</b> Viết được bài văn đúng nội dung, diễn đạt khá tốt, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.</p> <p>- <b>Vận dụng cao:</b> Viết được bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.</p>				
		<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>2TL</b>
		<b>Tỉ lệ %</b>		<b>30</b>	<b>35</b>	<b>20</b>	<b>15</b>
		<b>Tỉ lệ chung</b>		<b>65</b>		<b>35</b>	

## ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

### I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Quê hương là gì hả mẹ  
Mà cô giáo dạy phải yêu?  
Quê hương là gì hả mẹ  
Ai đi xa cũng nhớ nhiều?

Quê hương là chùm khế ngọt  
Cho con trèo hái mỗi ngày  
Quê hương là đường đi học  
Con về rợp bướm vàng bay

Quê hương là con diều biếc  
Tuổi thơ con thả trên đồng  
Quê hương là con đò nhỏ  
Êm đềm khua nước ven sông

Quê hương là cầu tre nhỏ  
Mẹ về nón lá nghiêng che  
Là hương hoa đồng cỏ nội  
Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là đêm trăng tỏ  
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm  
Tiếng ếch râm ran bờ ruộng  
Con nằm nghe giữa mưa đêm

Quê hương là bàn tay mẹ  
Dịu dàng hái lá mồng tơi  
Bát canh ngọt ngào tỏa khói  
Sau chiều tan học mưa rơi

Quê hương là vàng hoa bí  
Là hồng tím giậu mồng tơi  
Là đỏ đôi bờ dâm bụt  
Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người đều có  
Vừa khi mở mắt chào đời  
Quê hương là dòng sữa mẹ  
Thơm thơm giọt xuống bên nôi

Quê hương mỗi người chỉ một  
Như là chỉ một mẹ thôi  
Quê hương nếu ai không nhớ  
Sẽ không lớn nổi thành người.

(Trích “Bài học đầu cho con” - Đỗ Trung Quân)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ 5 chữ
- B. Thể thơ 6 chữ
- C. Thể thơ lục bát
- D. Thể thơ tự do

**Câu 2.** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

**Câu 3.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận.
- B. Tự sự.
- C. Miêu tả.
- D. Biểu cảm.

**Câu 4.** Biện pháp tu từ chính được sử dụng trong văn bản trên là:

- A. Nhân hóa
- B. Điệp cú pháp
- C. Hoán dụ
- D. Ẩn dụ

**Câu 5.** Quê hương được tác giả miêu tả qua những hình ảnh như thế nào?

- A. Thơ mộng, trữ tình
- B. Bình dị, gần gũi
- C. Khắc nghiệt, dữ dội
- D. Tráng lệ, kì vĩ

**Câu 6:** Câu thơ “Quê hương là con diều biếc” gợi về:

- A. Tình cảm gia đình
- B. Kí ức tuổi thơ
- C. Tình yêu đôi lứa
- D. Nỗi nhớ quê hương

**Câu 7:** Hình ảnh *bàn tay mẹ* trong câu thơ “Quê hương là bàn tay mẹ” được hiểu là:

- A. Sự tần tảo chăm sóc của mẹ
- B. Sự vất vả của mẹ
- C. Sự khéo léo của mẹ
- D. Sự ấm áp của mẹ

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Nêu tác dụng của phép lặp kết cấu cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Quê hương là gì hả mẹ  
Mà cô giáo dạy phải yêu?  
Quê hương là gì hả mẹ  
Ai đi xa cũng nhớ nhiều?*

**Câu 9.** Thông điệp mà nhà thơ muốn gửi gắm qua đoạn thơ sau là gì?

*Quê hương mỗi người chỉ một  
Như là chỉ một mẹ thôi  
Quê hương nếu ai không nhớ  
Sẽ không lớn nổi thành người*

**Câu 10.** Trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của quê hương trong sự hình thành nhân cách mỗi người.

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Một con tằm phải trải qua đau đớn để tự chui ra khỏi cái kén và trưởng thành con bướm biết bay.*

*Một hạt giống nằm sâu trong lòng đất để nảy mầm phải tự vươn thẳng lên xuyên qua tầng đất dày và trở thành cây cứng cáp.*

*Con tằm nào được người ta cắt vỏ kén chui ra mãi mãi bò quần quanh cái kén mà không bao giờ thành loài bướm biết bay.*

*Hạt giống nằm trên mặt đất dễ dàng nảy mầm nhưng sẽ bị bật gốc khi gặp cơn giông tố.*

*Con người không thể chọn cho mình nơi sinh ra, nhưng có thể tự chọn cho mình một cách sống; rèn luyện cho mình khả năng chịu đựng và bản lĩnh ý chí qua thử thách, khó khăn, bất hạnh và cả thất bại. Thất bại, bất hạnh có thể là điều tuyệt vọng với người này nhưng có thể là may mắn với người khác- tùy vào cách chúng ta đón nhận bằng cách dũng cảm vượt qua hay tự thương thân trách phận mà gục ngã.*

(Dẫn theo “Hạt giống tâm hồn” – Tập 1, Phần I)

**Thực hiện yêu cầu:**

Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách đối diện với thử thách của bản thân để thành công được gợi ra từ văn bản trên.

## HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

**Môn: Ngữ văn, lớp 10**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>6,0</b>
	<b>1</b>	B	0.5
	<b>2</b>	C	0.5
	<b>3</b>	C	0.5
	<b>4</b>	B	0.5
	<b>5</b>	B	0.5
	<b>6</b>	B	0.5
	<b>7</b>	A	0.5
	<b>8</b>	Câu hỏi tu từ có tác dụng: - Tạo nhịp điệu cho câu thơ, đoạn thơ. - Nhấn mạnh vai trò của quê hương và tình cảm của mỗi người đối với quê hương.	0.5
	<b>9</b>	HS trình bày được thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của bài thơ và mang tính đạo đức, thẩm mỹ. Gợi ý: - Quê hương là cội nguồn, là sự gắn bó máu thịt đối với mỗi người - Phải biết nhớ về quê hương, nguồn cội	1.0
	<b>10</b>	- HS làm sáng rõ được ý: Vai trò của quê hương đối với đời sống tâm hồn của mỗi người; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân - HS trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	1.0
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>4,0</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. Cách đối diện với thử thách của bản thân</i>	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: - Cần phải có can đảm để đối mặt với tất cả các loại khó khăn, thử thách - Can đảm chấp nhận những thách thức là một trong những cách để bản thân được mau chóng trưởng thành.	2.5

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải thực sự nắm bắt được cốt lõi của từng vấn đề, tìm thấy những điều quan trọng nhất đối với mình.</li> <li>- Suy nghĩ tích cực để đối mặt với những khó khăn mà mình gặp phải</li> <li>- Sẵn sàng để chấp nhận thay đổi, bình thản đối diện với cuộc đời, bất kể những thất bại và hoàn cảnh khó khăn ập đến như thế nào.</li> <li>- Cố gắng học hỏi, làm việc chăm chỉ, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, cuối cùng sẽ có thể để có được những thành quả của thành công.</li> <li>- Phê phán: Lối sống thiếu nghị lực, bản lĩnh, dựa dẫm...</li> <li>- Bài học nhận thức và hành động phù hợp.</li> </ul>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0,5
	<b>Tổng điểm</b>	<b>10.0</b>